

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 30-5-2019.
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bình.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Bình và ông Nguyễn Ngọc Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quyết Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Tuất - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 476/2018/TLST-HNGĐ ngày 13/12/2018, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08/5/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Cao Hoàng V, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số nhà 270A, ấp 6 – 7, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Chị Thái Thị T, sinh năm 1986.

Nơi cư trú cuối cùng: Số nhà 270A, ấp 6 – 7, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Anh V vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và các lời khai khác có trong hồ sơ vụ án, anh Cao Hoàng V trình bày:

Anh và chị Thái Thị T tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và được UBND xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 12/2017, quyền số 13 ngày 29/3/2007.

Anh chị chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị T đã bỏ đi từ tháng 7/2015 và biệt tích cho đến nay không có tin tức gì. Anh V đã áp dụng các biện pháp tìm kiếm nhưng không ai biết hiện nay chị T đang ở đâu. Đầu tháng 01/2018, anh V đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố một người mất tích đối với chị T, anh V đã thực hiện thủ tục đăng, phát thông báo tìm kiếm chị T trên báo và Đài phát thanh Trung ương trong ba kỳ liên tục theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, hết thời hạn 04 tháng kể từ ngày đăng, phát thông báo tìm kiếm chị T nhưng vẫn không có tin tức gì của chị T. Ngày 09/8/2018, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định giải quyết việc dân sự số: 05/2018/QĐST-DS ngày 09/8/2018 về việc tuyên bố chị Thái Thị T mất tích. Quyết định này không có kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật để thi hành. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nay anh V yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh, chị có 01 con chung tên Cao Thành T, sinh ngày 27/11/2007, hiện nay cháu T đang do anh nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Thái Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng, không cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng, bị đơn triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa làm việc gây khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí buộc nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Về thẩm quyền giải quyết: Anh Cao Hoàng V có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Thái Thị T, sinh năm 1986, nơi cư trú cuối cùng: Số nhà 270A, ấp 6 - 7, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai và yêu cầu được nuôi con chung

vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn anh Cao Hoàng V vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Thái Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và không có yêu cầu phản tố, căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân giữa anh Cao Hoàng V và chị Thái Thị T tự nguyện yêu thương chung sống, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai ngày 29/3/2007 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 12/2007, quyển số 13 theo đúng quy định tại Điều 11, 12, 13 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn quy định tại Điều 9, Điều 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên hôn nhân của anh chị được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

2.2. Xét yêu cầu ly hôn của anh Cao Hoàng V xét thấy:

Trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, chị T đã bỏ đi từ tháng 7/2015 và biệt tích cho đến nay không có tin tức gì. Đầu tháng 01/2018, anh V đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố một người mất tích đối với chị T. Ngày 09/8/2018, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định giải quyết việc dân sự số: 05/2018/QĐST-DS ngày 09/8/2018 về việc tuyên bố chị Thái Thị T mất tích. Quyết định này không có kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật để thi hành. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải theo quy định của pháp luật, tuy nhiên chị Thu đã mất tích nên không tiến hành hòa giải được.

HĐXX nhận thấy chị T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, anh V yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị T. Căn cứ vào khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX xét thấy yêu cầu của anh V về việc xin ly hôn với chị T là có cơ sở để chấp nhận.

2.3. Về con chung: Anh V yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là cháu Cao Thanh T, sinh ngày 27/11/2007 và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, chị T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, tại lời khai của cháu T, cháu cũng có nguyện vọng được anh V trực tiếp nuôi dưỡng, hiện nay anh V có đủ các điều kiện để nuôi dưỡng cháu T, tại phiếu lương kỳ 2, tháng 2 năm 2019 của Công ty Chang shin Việt Nam trả cho anh V thể hiện thu nhập của anh V là trên 10.000.000 đồng, anh có nhà ở ổn định tại địa chỉ nêu trên, có nhân cách tốt, mặt khác từ khi chị T bỏ đi đến nay một mình anh trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Do vậy, cần giao con chung cho anh V nuôi dưỡng, tạm thời chị T không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật.

2.4. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.5. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc anh V phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Xét đề nghị nêu trên của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 40, các điều 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 9, Điều 10, Điều 11, 12, 13 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84; Điều 119, Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Cao Hoàng V về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1. Về hôn nhân: Cho anh Cao Hoàng V được ly hôn với chị Thái Thị T.

2. Về con chung: Giao cho anh Cao Hoàng V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 01 (một) con chung tên Cao Thành T, sinh ngày 27/11/2007. Tạm thời chị Thái Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Cao Hoàng V phải nộp 300.000 đồng (Ba

trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm số tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh V đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 004975 ngày 13/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Anh V đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- UBND xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện Vĩnh Cửu;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bình

